

Sông Mã, ngày 17 tháng 9 năm 2020

Số: 07/2020/QĐST – DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST - DS, ngày 03 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

+ Bà Trần Thị B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Bản Q, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn B2, sinh năm 1958. Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị K, sinh năm 1965. Địa chỉ: Bản Q, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La.

+ Trần Đức B3, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản Q, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị B (nguyên đơn).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Di sản thừa kế của ông Vũ Đức Đ và bà Nguyễn Thị T gồm:

- Một diện tích đất tại bản Q, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị T, có số BC 942492 do UBND huyện S cấp ngày 26/11/2010, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 121. Có các tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn T1, có chiều dài 66,2m; Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Văn C, có chiều dài 35,5m; Phía Đông giáp mặt đường đi trong ngõ, có chiều dài 51m; Phía Tây giáp suối, có chiều dài 65,4m. Có tổng diện tích là 2884m², trong đó: 400m² đất ở nông thôn và 2484m² đất trồng cây lâu năm.

- Các tài sản trên đất gồm: Cây Nhãn cho quả trên 10 năm đã ghép: 45 cây. Cây nhãn cho quả từ 01 – 03 năm: 09 cây. Cây Xoài cho quả trên 10 năm: 01 cây. Cây Na cho quả từ 03 – 05 năm: 01 cây. Cây Ổi cho quả từ 01 – 03 năm: 01 cây. 01 giếng xây tường gạch. 01 ngôi nhà cột gỗ lợp ngói, nền láng xi măng, vách trát đất.

2.2 Di sản thừa kế được chia cho bà Trần Thị B, bà Trần Thị H, ông Vũ Văn B2, bà Vũ Thị K, anh Trần Đức B3. Cụ thể như sau:

2.2.1 Chia cho bà Trần Thị H:

- Diện tích đất ở phía ngoài cùng, theo sơ đồ phân chia diện tích đất được đánh số là lô số 1. Là loại đất trồng cây lâu năm, có diện tích 529,6m², trị giá: 21.184.000đ.

Có các tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn T1, có chiều dài 66,2m; Phía Nam giáp vị trí lô đất được đánh số là lô số 2, chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Đông giáp mặt đường đi trong ngõ, có chiều dài 8m; Phía Tây giáp suối.

- Tài sản trên đất gồm: cây Nhãn cho quả trên 10 năm, ghép 12 cây, tổng trị giá 45.000.000đ.

Tổng giá trị phần di sản bà Trần Thị H được chia là: 66.184.000đ.

2.2.2 Chia cho bà Trần Thị B:

- Diện tích đất tiếp giáp diện tích đất được chia cho bà Trần Thị H, theo sơ đồ phân chia diện tích đất được đánh số là lô số 2. Là loại đất trồng cây lâu năm, có diện tích 530m², trị giá 21.200.000đ.

Có các tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp diện tích đất được chia cho bà Trần Thị H, có chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Nam giáp vị trí lô đất được đánh số là lô số 3, có chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Đông giáp mặt đường đi trong ngõ, có chiều dài 8m; Phía Tây giáp suối.

- Tài sản trên đất gồm: cây Nhãn cho quả trên 10 năm, ghép 08 cây, tổng

trị giá 30.000.000đ.

Tổng giá trị phần di sản bà Trần Thị B được chia là: 51.200.000đ.

2.2.3 Chia cho ông Vũ Văn B2:

- Diện tích đất tiếp giáp diện tích đất được chia cho bà Trần Thị B, theo sơ đồ phân chia diện tích đất được đánh số là lô số 3. Là loại đất trồng cây lâu năm, có diện tích 498m², trị giá 19.920.000đ.

Có các tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp diện tích đất được chia cho bà Trần Thị B, có chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Nam giáp vị trí lô đất đánh dấu số 5, có chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Đông giáp mặt đường đi trong ngõ, có chiều dài 8m; Phía Tây giáp suối.

Tài sản trên đất gồm: cây Nhãn cho quả trên 10 năm, ghép 09 cây, tổng trị giá 33.750.000đ.

Tổng giá trị phần di sản ông Vũ Văn B2 được chia là: 53.670.000đ.

2.2.4 Chia cho anh Trần Đức B3:

- Diện tích đất tiếp giáp diện tích đất được chia cho ông Vũ Văn B2, theo sơ đồ phân chia diện tích đất được đánh số là lô số 5. Gồm: loại đất trồng cây lâu năm có diện tích 320m², trị giá 12.860.000đ và loại đất ở nông thôn, có diện tích 400m², trị giá 204.000.000đ.

Có các tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp lô đất được chia ông Vũ Văn B2, có chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Nam giáp vị trí lô đất được đánh số là lô số 4, có chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Đông giáp mặt đường đi trong ngõ, có chiều dài 12m; Phía Tây giáp suối.

- Tài sản trên đất gồm:

+ 01 nhà cột gỗ, lợp ngói, nền lán xi măng, vách trát đất, xây dựng năm 1991, có diện tích 8,5 x 6,0 = 51m², trị giá tài sản là 0đ.

+ 01 giếng xây tường gạch thể tích 16,95m³, xây dựng năm 1995, trị giá tài sản là 0đ.

+ Cây Nhãn cho quả trên 10 năm, ghép 09 cây, tổng trị giá 33.750.000đ.

Tổng giá trị phần di sản Trần Đức B3 được chia là: 250.610.000đ.

2.2.5 Chia cho bà Vũ Thị K:

- Diện tích đất tiếp giáp diện tích đất được chia cho anh Trần Đức B3, theo sơ đồ phân chia diện tích đất được đánh số là lô đất số 4. Là loại đất trồng cây lâu năm, có diện tích 606m², trị giá 24.240.000đ.

Có các tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp diện tích đất được chia

cho anh Trần Đức B3, có chiều dài được đo từ mặt đường đi trong ngõ kéo thẳng, dài đến mép suối; Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Văn T1, có chiều dài 35,5m; Phía Đông giáp mặt đường đi trong ngõ, có chiều dài 15m; Phía Tây giáp suối.

- Tài sản trên đất gồm:

+ Cây Nhãn cho quả trên 10 năm, ghép 07 cây, tổng trị giá 26.250.000đ.

+ Cây Xoài cho quả trên 10 năm 01 cây, trị giá 3.000.000đ.

+ Cây Na cho quả 3 đến 5 năm 01 cây, trị giá 600.000đ.

+ Cây Ổi cho quả 3 đến 5 năm 01 cây, trị giá 90.000đ.

+ Cây Nhãn cho quả 01 đến 03 năm 09 cây, trị giá 2.160.000đ.

Tổng giá trị phần di sản bà Vũ Thị Khương được chia là: 56.340.000đ

(Phân diện tích đất các thừa kế được chia có sơ đồ kèm theo quyết định)

2.3. Các thừa kế không phải trả tiền chênh lệch giá trị phần di sản được nhận cho nhau.

2.4. Về án phí:

- Bà Trần Thị H nộp án phí là 1.654.600đ (Một triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

- Bà Trần Thị B nộp án phí là 1.280.000đ (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000308 ngày 03/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, bà B còn phải nộp tiếp là 980.000đ (Chín trăm tám mươi nghìn đồng).

- Ông Vũ Văn B2 nộp án phí là 1.341.750đ (Một triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Trần Đức B3 nộp án phí là 6.265.250đ (Sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Bà Vũ Thị K nộp án phí là 1.407.500đ (Một triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Nhung